

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ – BQP ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 8) 3 8 940 914
- Fax : (84 - 8) 3 8 941 668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tủy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Nguyễn Văn Kiên	Ủy viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Trần Thị Lê	Ủy viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc	Ngày 26 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Giám đốc	Ngày 26 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc	Ngày 26 tháng 9 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014).



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0127/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2017

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	30/9/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.002.412.334	113.225.167.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.433.258.196	8.793.364.440
1. Tiền	111		22.433.258.196	8.793.364.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.784.738.704	46.694.272.416
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.284.504.719	42.193.361.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.500.233.985	3.998.874.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	-	502.036.683
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		91.221.845.290	55.739.604.745
1. Hàng tồn kho	141	V.5	91.221.845.290	55.739.604.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.562.570.144	1.997.925.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	-	425.520.294
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.562.570.144	1.572.405.414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	30/9/2016
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.875.281.580	42.520.234.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	70.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	70.000.000	70.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.624.500.876	39.179.063.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	37.624.500.876	39.179.063.404
- Nguyên giá	222		77.372.576.218	77.296.176.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.748.075.342)	(38.117.112.814)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.180.780.704	3.271.171.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.180.780.704	3.271.171.057
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.877.693.914	155.745.401.770

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	30/9/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		135.057.881.540	107.111.541.770
I. Nợ ngắn hạn	310		131.702.881.540	100.506.541.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	44.395.056.392	31.704.680.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	29.425.831
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	550.063.523	503.528.387
4. Phải trả người lao động	314	V.10	17.691.505.939	20.096.259.695
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a, c	19.304.408.166	20.289.847.217
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a,c	46.250.071.200	24.450.254.501
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	3.511.776.320	3.432.545.258
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.355.000.000	6.605.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b, c	105.000.000	105.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b, c	3.250.000.000	6.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

9815
 G TY
 HỮU
 VÀ TƯ V
 C
 HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	30/9/2016
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.819.812.374	48.633.860.000
I. Vốn chủ sở hữu	410		48.819.812.374	48.633.860.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	123.247.871	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	62.704.503	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		62.704.503	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183.877.693.914	155.745.401.778

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

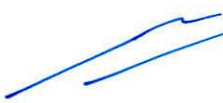
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	116.582.132.715	363.253.095.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		116.582.132.715	363.253.095.910
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.330.241.239	328.865.461.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.251.891.476	34.387.633.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.563.945.727	1.775.564.024
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.456.147.054	1.711.444.809
Trong đó: chi phí lãi vay	23		270.153.007	1.016.848.498
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.714.896.078	4.623.056.105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.106.430.082	22.373.788.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.538.363.989	7.454.908.678
11. Thu nhập khác	31	VI.7	29.300.000	48.201.686
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		29.300.000	48.201.686
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.567.663.989	7.503.110.364
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	513.532.798	1.500.622.073
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.054.131.191</u>	<u>6.002.488.291</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>363</u>	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>363</u>	-


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.567.663.989	7.503.110.364
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	1.630.962.528	4.635.173.666
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	448.224.772	17.351.816
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	270.153.007	1.016.848.498
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.917.004.296	13.172.484.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.844.171.454	(39.575.472.290)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.482.240.545)	32.106.206.585
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.158.155.260	11.955.329.746
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.515.910.647	303.882.426
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(270.153.007)	(1.016.848.498)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(487.697.766)	(1.187.414.554)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(208.347.305)	(1.987.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.013.196.966)	13.770.362.759
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7; VII	(58.327.280)	(7.853.732.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.327.280)	(7.853.732.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	28.289.765.310	90.033.039.731
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(10.575.034.285)	(85.744.951.971)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.11; V.14; VII	-	(2.894.105.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.714.731.025	1.393.982.417
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.643.206.779	7.310.612.447
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.793.364.440	1.657.196.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.313.023)	(174.444.945)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22.433.258.196	8.793.364.440

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan); Mua bán hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 2101/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28. Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần 28.1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2016.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do:

- Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần tại ngày 29 tháng 9 năm 2016 có điều chỉnh căn cứ theo Biên bản định giá doanh nghiệp.
- Số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016 thuộc Công ty TNHH MTV 28.1.
- Số năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 thuộc Công ty Cổ phần 28.1.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 848 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 838 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần 28.1 sau khi thực hiện cổ phần hóa.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

1875
TY
HỮU
À TU
C
00

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là lợi thế kinh doanh. Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	02 – 03

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản xuất, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>30/9/2016</u>
Tiền mặt	48.265.513	48.371.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.384.992.683	8.744.992.496
Cộng	<u>22.433.258.196</u>	<u>8.793.364.440</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>30/9/2016</u>
Itochu Prominent USA LLC	22.489.474.071	31.282.814.773
Prominent (Europe) Ltd	1.715.001.344	6.570.011.867
Itochu Corporation	819.095.450	2.445.443.981
Các khách hàng khác	260.933.854	1.895.090.468
Cộng	<u>25.284.504.719</u>	<u>42.193.361.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>30/9/2016</u>
Zhen Xiang (Hong Kong) Trading Co., Ltd	1.214.905.294	-
Recron (Malaysia) Sdn., Bhd	419.443.341	-
Anwise Corporation Limited	414.315.629	-
Credit Agricole Leasing & Factoring Sa	318.394.754	543.855.625
Shanghai Aviation Import & Export Co., Ltd	-	1.817.858.128
Các nhà cung cấp khác	133.174.967	1.637.160.891
Cộng	<u>2.500.233.985</u>	<u>3.998.874.644</u>

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>		<u>30/9/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	46.002.092	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	312.927.272	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	143.107.319	-
Cộng	-	-	<u>502.036.683</u>	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

5. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2016</u>		<u>30/9/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.310.004.883	-	28.614.181.670	-
Công cụ, dụng cụ	72.383.164	-	77.329.144	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.892.107.850	-	4.886.496.716	-
Thành phẩm	37.947.349.393	-	22.161.597.215	-
Cộng	<u>91.221.845.290</u>	-	<u>55.739.604.745</u>	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.12a).

6. Chi phí trả trước

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 30/9/2016 là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

6b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là lợi thế kinh doanh còn phải phân bổ.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 30/9/2016	23.183.169.847	49.115.094.959	1.679.103.033	340.536.200	2.978.272.179	77.296.176.218
Mua sắm mới	-	76.400.000	-	-	-	76.400.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>23.183.169.847</u>	<u>49.191.494.959</u>	<u>1.679.103.033</u>	<u>340.536.200</u>	<u>2.978.272.179</u>	<u>77.372.576.218</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	137.341.734	100.519.143	109.070.000	-	346.930.877
Giá trị hao mòn						
Tại ngày 30/9/2016	15.683.397.379	19.583.370.524	960.658.975	235.097.079	1.654.588.857	38.117.112.814
Khấu hao trong năm	118.951.038	1.374.129.621	39.464.598	15.086.751	83.330.520	1.630.962.528
Tại ngày 31/12/2016	15.802.348.417	20.957.500.145	1.000.123.573	250.183.830	1.737.919.377	39.748.075.342
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/9/2016	7.499.772.468	29.531.724.435	718.444.058	105.439.121	1.323.683.322	39.179.063.404
Tại ngày 31/12/2016	7.380.821.430	28.233.994.814	678.979.460	90.352.370	1.240.352.802	37.624.500.876
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	30/9/2016
Phải trả các bên liên quan	21.700.000	90.750.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	90.750.000
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	21.700.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	44.373.356.392	31.613.930.881
Prominent Europe Ltd	37.004.223.960	12.243.595.595
Freudenberg	-	3.871.684.633
Các nhà cung cấp khác	7.369.132.432	15.498.650.653
Cộng	44.395.056.392	31.704.680.881

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/9/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.253.925	(22.253.925)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.010.572	(2.010.572)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	487.697.766	525.777.402	(487.697.766)	525.777.402
Thuế thu nhập cá nhân	15.830.621	24.286.121	(15.830.621)	24.286.121
Cộng	503.528.387	574.328.020	(527.792.884)	550.063.523

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Hàng tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.567.663.989	7.503.110.364
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	2.567.663.989	7.503.110.364
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	513.532.798	1.500.622.073

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 513.532.798 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu là 12.244.604 VND.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả người lao động

	31/12/2016	30/9/2016
Lương phải trả người lao động	5.450.252.899	5.242.868.921
Quỹ thưởng cho nhân viên	10.121.724.066	13.051.151.322
Quỹ lương dự phòng	2.119.528.974	1.802.239.452
Cộng	17.691.505.939	20.096.259.695

11. Phải trả khác

11a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	30/9/2016
Phải trả bên liên quan	17.461.436.548	5.144.396.273
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28:	17.461.436.548	5.144.396.273
- Cổ tức phải trả	2.837.350.417	3.900.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa	13.388.182.728	-
- Các khoản phải trả khác	1.235.903.403	1.244.396.273
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.842.971.618	15.145.450.944
Phải trả về cổ phần hóa	-	14.164.750.000
Cổ tức phải trả	553.210.158	-
Kinh phí công đoàn	338.640.758	202.943.883
BHXH, BHYT, BHTN	-	3.213.190
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	951.120.702	774.543.871
Cộng	19.304.408.166	20.289.847.217

11b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

12. Vay

12a. Vay ngắn hạn

	31/12/2016	30/9/2016
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	7.250.000.000	7.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (xem thuyết minh số V.12b)	7.250.000.000	7.200.000.000
Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác	39.000.071.200	17.250.254.501
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	39.000.071.200	17.250.254.501
Cộng	46.250.071.200	24.450.254.501

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Tại ngày 30/9/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2016
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.250.254.501	28.289.765.310	-	835.085.674	(7.375.034.285)	39.000.071.200
Vay dài hạn đến hạn trả	7.200.000.000	-	3.250.000.000	-	(3.200.000.000)	7.250.000.000
Cộng	24.450.254.501	28.289.765.310	3.250.000.000	835.085.674	(10.575.034.285)	46.250.071.200

12b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 04%/năm. Số tiền vay được hoàn trả nhiều đợt cho đến khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2016	30/9/2016
Từ 01 năm trở xuống	7.250.000.000	7.200.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	3.250.000.000	6.500.000.000
Tổng nợ	10.500.000.000	13.700.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Số đầu năm	6.500.000.000	2.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	-	8.500.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.250.000.000)	(4.000.000.000)
Số cuối năm	3.250.000.000	6.500.000.000

12c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Số đầu năm	3.432.545.258	3.317.861.967
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	287.578.367	2.102.488.291
Chi quỹ	(208.347.305)	(1.987.805.000)
Số cuối năm	3.511.776.320	3.432.545.258

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.002.488.291	6.002.488.291
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(2.102.488.291)	(2.102.488.291)
Chia lợi nhuận	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Số dư tại ngày 29/9/2016	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Số dư tại ngày 29/9/2016	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Điều chỉnh theo Biên bản định giá doanh nghiệp	8.633.860.000	-	-	8.633.860.000
Số dư tại ngày 30/9/2016	48.633.860.000	-	-	48.633.860.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.054.131.191	2.054.131.191
Trích lập các quỹ trong năm	-	123.247.871	(410.826.238)	(287.578.367)
Chia cổ tức	-	-	(1.580.600.450)	(1.580.600.450)
Số dư tại ngày 31/12/2016	48.633.860.000	123.247.871	62.704.503	48.819.812.374

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	30/9/2016
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	48.633.860.000	48.633.860.000

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 48.633.860.000 VND.

14c. Cổ phiếu

	31/12/2016	30/9/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 11/QĐ-CTCP ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia lợi nhuận cho các cổ đông	: 1.580.600.450
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 123.247.871
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 287.578.367

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

15a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 925.001,54 USD (số tại ngày 30/9/2016 là 169.440,67 USD).

15b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty TNHH May mặc S.M với số tiền 6.308.051.602 VND đã được xóa sổ do công ty này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Doanh thu hàng xuất khẩu	112.717.860.071	354.935.336.865
Doanh thu hàng kinh tế	3.406.272.612	7.632.442.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	458.000.032	685.316.178
Cộng	<u>116.582.132.715</u>	<u>363.253.095.910</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 Bán thành phẩm	1.533.112.500	204.670.294
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi Bán thành phẩm	-	4.021.818

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Giá vốn hàng xuất khẩu	100.744.921.473	322.725.687.925
Giá vốn hàng kinh tế	2.541.864.082	5.930.272.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ	43.455.684	209.501.157
Cộng	<u>103.330.241.239</u>	<u>328.865.461.963</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.815.173	3.704.603
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.562.130.554	1.771.859.421
Cộng	1.563.945.727	1.775.564.024

4. Chi phí tài chính

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Chi phí lãi vay	270.153.007	1.016.848.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	448.224.772	17.351.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	737.769.275	677.244.495
Cộng	1.456.147.054	1.711.444.809

5. Chi phí bán hàng

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	619.345.585	2.370.498.595
Chi phí hải quan, vận chuyển, bốc xếp hàng	536.765.158	1.368.083.559
Xuất mẫu cho khách hàng	558.785.335	884.473.951
Cộng	1.714.896.078	4.623.056.105

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Chi phí cho nhân viên	5.796.386.907	17.206.440.483
Chi phí đồ dùng văn phòng	787.982.766	1.364.398.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.551.349	103.239.890
Thuế, phí và lệ phí	200.321.458	689.522.422
Chi phí lợi thế kinh doanh	1.090.390.353	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.922.427	1.294.687.934
Các chi phí khác	665.874.822	1.715.499.317
Cộng	9.106.430.082	22.373.788.379

7. Thu nhập khác

	<u>Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>
Thu tiền từ cho thuê máy móc	29.300.000	-
Thu nhập từ chênh lệch giá hàng	-	22.400.663
Các khoản thu nhập khác	-	25.801.023
Cộng	29.300.000	48.201.686

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.054.131.191
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(287.578.367)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.766.552.824
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	363

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.342.037.435	226.495.559.548
Chi phí nhân công	24.986.235.428	75.663.033.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.630.962.528	4.635.173.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.842.462.079	16.999.151.562
Chi phí khác	1.263.364.162	3.674.960.148
Cộng	129.065.061.632	327.467.878.187

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền liên quan đến việc trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 2.090.039.875 VND.

Công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 139.300.750 VND (số đầu năm là 121.228.030 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Tiền lương	251.640.000	877.720.000
Phụ cấp	10.717.000	37.587.000
Thưởng	37.800.000	-
Cộng	300.157.000	915.307.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bình Phú	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016
Công ty Cổ phần Bình Phú Mua nguyên liệu, thành phẩm	196.520.000	45.524.800
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	22.727.273	4.090.909
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi Phí gia công	-	585.152.932
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 Chia cổ tức	1.027.390.292	3.900.000.000
Các khoản chi hộ	269.515.700	2.556.128.838
Chi phí lãi vay	100.369.998	254.766.987
Mua nguyên, nhiên, vật liệu và phí gia công	208.700.807	770.830.644
Chi phí thuê đất	242.151.433	726.454.314
Chợ thuê máy móc	11.300.000	-
Vay	-	8.500.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	13.388.182.728	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8, V.11a và V.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Số liệu tại ngày 30/9/2016 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu bàn giao từ Công ty TNHH MTV 28.1 sang Công ty Cổ phần 28.1 theo Biên bản định giá doanh nghiệp. Do đó, số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 29 tháng 9 năm 2016 đã được kiểm toán để phục vụ cho việc cổ phần hóa đã được điều chỉnh theo kết quả định giá doanh nghiệp như sau:

	Mã số	Số liệu BCTC tại ngày 29 tháng 9 năm 2016 đã được kiểm toán	Các điều chỉnh theo Biên bản định giá doanh nghiệp	Số liệu tại ngày 30 tháng 9 năm 2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8.967.809.385	(174.444.945)	8.793.364.440
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	42.778.528.839	(585.167.750)	42.193.361.089
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.981.447.562	17.427.082	3.998.874.644
Phải thu ngắn hạn khác	136	503.484.111	(1.447.428)	502.036.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	425.520.294	425.520.294
Tài sản cố định hữu hình	221	33.732.702.652	5.446.360.752	39.179.063.404
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	3.271.171.057	3.271.171.057
Phải trả người bán ngắn hạn	311	31.664.279.666	40.401.215	31.704.680.881
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	29.425.831	29.425.831
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.754.522.485	(304.267.984)	24.450.254.501
Vốn góp của chủ sở hữu	411	40.000.000.000	8.633.860.000	48.633.860.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Văn Kiên
Người lập Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Phước
Giám đốc


Trần Doãn Thoan



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017